

## LUẬT TỤC NGƯỜI THÁI TRONG MỐI TƯƠNG QUAN VỚI PHÁP LUẬT CỦA NHÀ NƯỚC

VI VĂN SƠN

### 1. Tìm hiểu khái niệm luật tục và luật tục Thái

Khái niệm luật tục được các nhà khoa học bàn luận nhiều, nhưng cơ bản thống nhất khái niệm được đưa vào từ điển luật học: “*Luật tục là những qui tắc xử sự mang tính chất bắt buộc do các cộng đồng làng xã xây dựng nên và được truyền từ đời này sang đời khác*” (Từ điển Bách khoa, 2006, tr. 528). Luật tục có thể tồn tại dưới dạng truyền miệng hoặc có thể được ghi bằng văn bản.

Luật tục hay tập quán pháp, tương đương với các thuật ngữ nước ngoài customary laws, folk laws, là một hiện tượng xã hội phổ biến của nhân loại thời kỳ phát triển tiền công nghiệp và còn tồn tại đến ngày nay ở nhiều tộc người trên thế giới, nhất là châu Á và châu Phi. Các nhà khoa học coi luật tục là một kho tàng tri thức bản địa về ứng xử và quản lý cộng đồng. Ở nước ta, luật tục của các dân tộc thiểu số và hương ước của người Việt đã được các nhà sử học, dân tộc học, văn hóa dân gian, các luật gia... quan tâm nghiên cứu từ khá sớm.

Cũng giống như người Việt, luật tục của người Thái phần lớn đã được văn bản hóa và thường mang một cái tên chung là “*Hít khoòng*”, dịch ra tiếng Việt có lúc là “Phong tục tập quán”, “Lệ tục”, “Lệ”, thậm

chí là “Luật” nữa (Ngô Đức Thịnh và Cẩm Trọng, 2003, tr. 34). Tuy vậy, cho tới nay, rất khó xác định đâu là ranh giới của luật tục người Thái. Công trình khoa học đầu tiên ít nhiều đề cập tới vấn đề này là cuốn “*Tư liệu về lịch sử và xã hội dân tộc Thái*” của Đặng Nghiêm Vạn (chủ biên). Có thể nói rằng, hầu như mỗi mường của người Thái xa xưa đều có bản Luật lệ bản mường “*Hít khoòng bản mường*”, tức là những qui định về ranh giới bản mường (chia bản chia mường), bộ máy quản lý, quản lý xã hội, hôn nhân gia đình, nghi lễ hội hè, tội phạm và các hình thức xét xử và trừng phạt... mà mặt nào đó mang tính chất dân luật và hình luật.

Như vậy, luật tục người Thái gồm có các bộ phận hợp thành là luật của bản mường và lệ tục của đời sống mỗi con người và cộng đồng, hợp thành cái được gọi là luật tục của dân tộc Thái. Điều này cũng giống với luật tục của các dân tộc thiểu số khác, và phần nào khác với hương ước của người Việt.

Như trên đã nêu, luật tục người Thái phần lớn đã được văn bản hóa (tập trung ở Thái Tây Bắc). Đó là những văn bản chép tay bằng chữ Thái cổ trên giấy bản hay vở học trò, phần lớn là sao chép lại, hiếm có văn bản gốc.

## 2. Đặc điểm của luật tục Thái

Luật tục Thái có những đặc điểm sau:

- Luật tục Thái chưa phải là “luật” và tất nhiên cũng không phải là “tục”, mà là hình thức trung gian giữa luật và tục. Hay nói cách khác, nó là hình thức phát triển cao của phong tục, tục lệ dân tộc Thái và là hình thức sơ khai, hình thức tiền luật pháp. Chính vì thế, hình thức luật tục này phù hợp với xã hội tiền công nghiệp, phù hợp với các cộng đồng nhỏ hẹp gắn với từng nhóm tộc người, từng địa phương cụ thể. Đặc trưng này không những riêng của luật tục người Thái mà cả luật tục nói chung.

- Luật tục Thái (*Hít khoòng bản mường*) tồn tại dưới hai dạng: Luật mường và những tục lệ liên quan tới cưới xin, ma chay, cúng lễ. Luật mường được coi như luật tục chính thức làm cơ sở bắt buộc để điều hành mọi hoạt động của bản mường. Do vậy, luật mường mang tính luật hơn là tính tục lệ, phong tục. Nội dung của luật mường đề cập các vấn đề: lai lịch mường; ranh giới mường; bộ máy quản lý mường và quyền lợi của các chức dịch; nghĩa vụ và quyền lợi của người dân; việc cúng lễ, tế tự bản mường; các qui định thưởng phạt liên quan tới sở hữu, quan hệ hôn nhân gia đình, việc xâm phạm tới thân thể, các phong tục tập quán... *Hít khoòng* của người Thái còn bao gồm cả những khía cạnh đạo lý và phong tục, như các câu châm ngôn, tục ngữ về đạo làm người, tục lệ cưới xin, tang ma và tế tự. Ở phần này, các yếu tố “luật” thường mờ nhạt trong khi yếu tố lệ, đạo lý đậm nét hơn.

- Khác với hương ước của người Việt chỉ có giá trị trong một làng, luật tục người

Thái có phạm vi điều chỉnh rộng hơn, bao gồm toàn mường, toàn vùng, thậm chí có nhiều nội dung điều chỉnh chung cho cả đồng tộc.

- Luật tục Thái không hạn chế mức hình phạt, có thể tử hình một số tội danh và không hạn chế về thẩm quyền xét xử, khác với hương ước của người Việt là làng xã bị hạn chế mức hình phạt và hạn chế quyền hạn xét xử (làng xã chỉ được xét xử một số hành vi nhất định, mức độ xử phạt chỉ được xử phạt những hình phạt vừa như: phạt tiền, đánh roi, hạ ngôi thứ..., không có quyền giam giữ người khác).

- Luật tục Thái thiên về giáo dục, răn đe, phòng ngừa là chính, tuy có cả hình phạt tử hình nhưng rất ít, và nếu có thì trước khi dùng hình phạt tử hình đã có các hình thức giáo dục từ thấp lên cao. Ví dụ, trong luật mường, luật lệ định ra với từng loại người chỉ có 03 loại người phải tử hình, đó là: *người ăn cướp* (loại người này không có các hình thức giáo dục); người hay *hót lẻo, xỏ xiên*, tội nhỏ thì bắt, tội to thì giết; đối với người *ngỗ nghịch (còn ngàn)*, lần đầu thì mắng, mắng không chừa thì đánh, đánh không chừa thì bắt, bắt không chừa thì giết. Trong luật tục người Thái có một phần quan trọng dành cho việc răn dạy đạo lý, nhan đề là *Quam son côn*, nghĩa là đạo lý làm người, phần này thường được áp dụng cho cả cộng đồng Thái.

- Luật tục Thái và luật của xã hội phong kiến sơ kỳ với uy quyền rất lớn của chúa đất mà cao nhất là *án nha*. Chúa đất *án nha* lại đồng thời là lãnh chúa phong kiến của một địa vực tương đương với đơn vị hành chính là một châu của nước ta ngày

trước. *Án nha* cai quản nhiều bản mường với bộ máy chức dịch được tổ chức tương đối chặt chẽ.

- Luật tục Thái quan tâm đến việc xử lý các mối quan hệ xã hội khác. Qua luật tục người Thái có thể thấy nhiều thiết chế của chế độ cộng sản nguyên thủy vẫn còn ảnh hưởng. Về danh nghĩa, tất cả đất đai, ruộng nương, nguồn nước, núi rừng đều thuộc quyền sở hữu công cộng. Mọi người đều tùy theo thân phận khác nhau mà được phân phối theo định kỳ để khai thác những tài sản ấy. Tất nhiên, một phần những tài sản khai thác được phải nộp cho chúa đất và các loại chức dịch. Và nói chung, nông dân với các thân phận khác nhau bị bóc lột và áp bức về nhiều phương diện.

- Cùng với việc xử lý các mối quan hệ xã hội, luật tục người Thái rất quan tâm tới việc xử lý các mối quan hệ gia đình và dòng họ. Xã hội Thái đã chuyển sang chế độ gia đình phụ quyền từ lâu. Trong chế độ gia đình này, người ta phân biệt rất rõ các mối quan hệ họ hàng như *ai nong*, *lùng ta*, *nhình xao* (anh em ruột, anh em bên mẹ, bên con gái). Các quan hệ này mang đậm dấu vết của thời kỳ liên minh ba thị tộc có quan hệ hôn nhân với nhau. Trong luật tục người Thái, việc coi trọng vai trò của ông cậu *lùng ta* phản ánh sự bảo lưu ở mức khá đậm nét chế độ quyền ông cậu (*avunculat*), tức là một biểu hiện của chế độ gia đình mẫu quyền.

- Luật tục Thái tìm cách xử lý những mối quan hệ giữa xã hội con người với xã hội linh thiêng. Có thể thấy điều đó ở khắp nơi trên thế giới. Luật tục của người theo đạo Do Thái được thể hiện theo kinh

Talmud; luật tục của người theo đạo Ki-tô được thể hiện trong Kinh Thánh; luật tục của người theo đạo Hồi được thể hiện trong Kinh Coran. Qua các loại luật tục ấy có thể thấy luật tục không những chỉ quan tâm tới mối quan hệ giữa con người với con người, giữa cộng đồng này với cộng đồng khác trong xã hội loài người mà còn quan tâm xử lý mối quan hệ giữa thế giới trần tục và thế giới linh thiêng, giữa con người và thần linh.

Cũng như các dân tộc khác, luật tục người Thái là tấm gương phản chiếu nhiều mặt của đời sống: môi trường thiên nhiên và môi trường xã hội, thế giới trần tục và thế giới linh thiêng, quan hệ sản xuất và phân phối trong xã hội, quan hệ ứng xử trong gia đình và dòng họ, tổ chức chính trị xã hội, tín ngưỡng và tôn giáo, luật pháp và đạo đức... Nghiên cứu luật tục người Thái có thể thấy rằng, tuy dân tộc Thái cho mãi đến cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX vẫn còn ở trình độ xã hội phong kiến sơ kỳ, nhưng bộ máy chính trị của xã hội phong kiến sơ kỳ ấy lại sớm lệ thuộc vào Nhà nước Đại Việt. Tuy mang những sắc thái dân tộc độc đáo nhưng người Thái từ lâu đã có ý thức rất rõ rằng mình thuộc cộng đồng các dân tộc Việt Nam, rằng mình là một bộ phận không thể tách rời của cộng đồng ấy (Vi Văn An, 1999; Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, 2000; Ngô Đức Thịnh, Cẩm Trọng, 2003; Ngô Đức Thịnh, 2003; Chu Thái Sơn, Cẩm Trọng, 2005).

### 3. Mối tương quan giữa luật tục người Thái và pháp luật nhà nước

Pháp luật và luật tục có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Trong mối quan hệ với

pháp luật, luật tục của người Thái cũng không phải là một ngoại lệ. Làm rõ mối quan hệ đó có ý nghĩa về nhiều mặt, vừa làm phong phú thêm pháp luật vừa bảo đảm hiệu lực điều chỉnh của pháp luật; đồng thời, phát huy được vai trò của pháp luật cũng như luật tục Thái trong quản lý xã hội và quản lý tộc người. Tuy nhiên, đây là vấn đề lý luận phức tạp, phần này chủ yếu tập trung làm rõ các nội dung chính của mối quan hệ trên. Cụ thể như sau:

*Thứ nhất*, luật tục người Thái và pháp luật là những yếu tố thuộc tầng kiến trúc, đều được qui định bởi nền tảng kinh tế - xã hội phù hợp. Luật tục người Thái và pháp luật, do vậy, có quan hệ bổ sung, hỗ trợ nhau trong quá trình điều chỉnh hành vi con người. Pháp luật tác động ở phạm vi rộng, bao quát các quan hệ quan trọng, cơ bản. Luật tục người Thái tác động ở phạm vi trong cộng đồng dân tộc Thái; vì thế, luật tục người Thái như “cánh tay kéo dài” của pháp luật, hỗ trợ, bổ sung cho pháp luật trong quản lý xã hội đối với cộng đồng người Thái.

*Thứ hai*, luật tục người Thái và pháp luật cùng có chức năng điều chỉnh các quan hệ xã hội, cùng hướng đến trật tự xã hội. Nếu pháp luật hướng đến trật tự xã hội chung thì luật tục người Thái hướng đến điều chỉnh trật tự đối với cộng đồng người Thái; pháp luật tạo lập đồng thuận xã hội trong khi luật tục người Thái tạo lập, củng cố đồng thuận cộng đồng. Thực tiễn cho thấy, trật tự xã hội chỉ có thể tồn tại trên cơ sở trật tự của các cộng đồng. Ngược lại, trật tự xã hội được xác lập sẽ làm cho trật tự cộng đồng thêm vững chắc, ổn định.

*Thứ ba*, trong điều chỉnh quan hệ xã hội, pháp luật có vị trí ưu trội hơn luật tục

người Thái về hiệu lực, cơ chế và hình thức. Pháp luật ra đời nhằm duy trì trật tự trong xã hội đã có sự phân chia thành các giai cấp đối kháng, nên pháp luật có tính giai cấp. Pháp luật bảo vệ quyền và lợi ích của giai cấp thống trị, đàn áp sự phản kháng của các giai cấp và tầng lớp khác. Pháp luật được bảo đảm thi hành bằng cưỡng chế của Nhà nước. Là luật thành văn, do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành theo một thủ tục, trình tự chặt chẽ, với tính qui phạm chặt chẽ cả về nội dung và hình thức, pháp luật có hiệu lực, hiệu quả cao, có tính thống nhất về nội dung và tính phổ biến rộng rãi. Do vậy, trong mối quan hệ với luật tục người Thái, pháp luật có hiệu lực cao hơn, cơ chế điều chỉnh được định hình chặt chẽ hơn. Trong trường hợp giữa pháp luật và luật tục người Thái có sự xung đột thì luật tục người Thái phải tuân thủ pháp luật, thể hiện bằng sự tuân thủ pháp luật. Pháp luật có vai trò hướng dẫn, định hướng luật tục, làm cho luật tục ngày càng tiến bộ hơn, phù hợp với sự phát triển của xã hội.

Từ mối quan hệ giữa luật tục người Thái và pháp luật có thể thấy luật tục người Thái có vị trí độc lập tương đối với pháp luật. Và từ đây, việc vận dụng luật tục người Thái trong quản lý của cộng đồng đòi hỏi một mặt phải coi trọng pháp luật, đề cao pháp luật, song phải phát huy tính độc lập tương đối của luật tục đồng bào Thái. Cụ thể là chú ý những vấn đề có tính chất phương pháp luận sau:

*Thứ nhất*, luật tục người Thái trong nhiều trường hợp còn có khả năng *bổ sung* cho pháp luật. Những điểm đáng chú ý về khả năng bổ sung đó là: Luật tục người Thái có những qui định tương đồng trong phòng

chống quan liêu, tham nhũng, có những qui định khá chặt chẽ, có qui định chỉ mang tính giáo dục, răn dạy là chính, nhưng suy cho cùng, những quy định này đều hướng tới ngăn chặn, phòng ngừa, đấu tranh chống các biểu hiện tiêu cực của bộ máy và con người cụ thể; hoặc luật tục người Thái có các qui định về phòng ngừa tội phạm, giáo dục ý thức sinh hoạt tín ngưỡng v.v.

Trong điều kiện một quốc gia có nhiều tộc người cùng sinh sống với trình độ phát triển khá chênh lệch nhau, với trình độ xây dựng pháp luật của các cơ quan nhà nước còn hạn chế thì pháp luật càng không thể điều chỉnh hết các tình huống xảy ra trong thực tiễn. Trong khi đó, hệ thống luật tục người Thái được đúc kết, sàng lọc qua nhiều thế hệ, được kiểm nghiệm qua thực tiễn điều chỉnh các quan hệ trong cộng đồng người Thái, và phần nào đã khẳng định được vai trò điều hòa xã hội. Rõ ràng, ở đây luật tục sẽ bổ sung các qui định còn thiếu của pháp luật, tạo điều kiện cho pháp luật thực hiện được vai trò quản lý xã hội hiệu quả, đáp ứng yêu cầu khách quan trong việc điều chỉnh các quan hệ phát sinh trong cộng đồng.

*Thứ hai*, luật tục người Thái có khả năng *hỗ trợ* cho pháp luật. Thực tế, trong nhiều trường hợp, các qui định của pháp luật chưa hẳn được áp dụng và chấp hành chính xác, đầy đủ trong cộng đồng dân tộc dân tộc Thái. Chẳng hạn, luật tục người Thái về giáo dục nâng cao ý thức trong bảo vệ tài nguyên môi trường, giáo dục tính bền vững trong hôn nhân gia đình, những qui định với mức độ điều chỉnh khác nhau, nhưng được cộng đồng tự nguyện thực hiện và thực tiễn cho thấy, những khu rừng ở vùng cư trú của đồng bào Thái phát triển tốt hơn, độ che phủ

rừng cao hơn vùng khác; tình trạng xung đột, ly hôn trong gia đình người Thái rất hạn chế v.v. Trong trường hợp này, pháp luật và sự thực hiện pháp luật chỉ có thể diễn ra nếu có sự hỗ trợ của luật tục người Thái bởi vì luật tục có khả năng cố kết cộng đồng, cụ thể hóa, chi tiết hóa các qui định của pháp luật thành chuẩn mực đạo đức, cách xử sự của cộng đồng. Tuy nhiên, điều cần lưu ý là mối liên hệ của luật tục người Thái với pháp luật, những khả năng bổ sung, hỗ trợ của nó đối với pháp luật là mối quan hệ chặt chẽ, không thể tách rời, có giá trị to lớn, có ý nghĩa quan trọng trong quá trình xây dựng và áp dụng pháp luật ở nước ta hiện nay.

*Thứ ba*, những giá trị tích cực trong hệ thống luật tục của người Thái đã được đúc kết qua nhiều thế hệ, là tinh hoa văn hóa dân tộc Thái, có giá trị xây dựng, cố kết cộng đồng lớn lao. Do đó, trong quá trình nghiên cứu xây dựng hoàn thiện hệ thống pháp luật quốc gia, bên cạnh khả năng *bổ sung* và *hỗ trợ* cho pháp luật, luật tục người Thái còn có thể trở thành nguồn trong hoạt động xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật, vừa đảm bảo người Thái được thừa kế những giá trị truyền thống của dân tộc vừa làm phong phú pháp luật quốc gia.

Nghiên cứu vận dụng tập quán trong xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật đã được Đảng Cộng sản Việt Nam chú trọng. Tại Nghị quyết 48/NQ của Bộ chính trị khóa IX, có đoạn nêu rõ: “*Nghiên cứu khả năng khai thác, sử dụng án lệ, tập quán (kể cả tập quán, thông lệ quốc tế) và qui tắc của các hiệp hội nghề nghiệp, góp phần bổ sung và hoàn thiện pháp luật*” (Ban Chấp hành TW, 2005). Đây chính là sự cụ thể hóa những quan điểm của Đảng về quyền con

người, quyền của các cộng đồng người thiểu số trong việc xây dựng và hoàn thiện pháp luật Việt Nam trong thời gian tới.

### **Kết luận**

Luật tục người Thái và pháp luật có mối liên hệ mật thiết, tác động qua lại lẫn nhau, bổ sung cho nhau, tạo nên sự hài hòa khi điều chỉnh các hành vi con người. Luật tục nói chung, luật tục người Thái nói riêng trên thực tế đã hỗ trợ pháp luật để quản lý xã hội tộc người tốt hơn theo hướng phù hợp với văn hóa của tộc người và được tộc người nghiêm túc thực hiện. Pháp luật không ngăn cấm, loại trừ mọi phong tục tập quán tốt đẹp của các dân tộc mà đồng hành với nó, tạo điều kiện để tập quán hay luật tục phát triển lành mạnh, có ý nghĩa, trường tồn trong đời sống xã hội. Pháp luật chỉ ngăn cấm, loại bỏ những phong tục tập quán có hại cho xã hội, không phù hợp với tiến bộ xã hội.

### **Tài liệu tham khảo**

1. Vi Văn An (1999), *Thiết chế bản mường truyền thống của người Thái ở miền Tây Nghệ An*, Luận án tiến sĩ Sử học, Viện Dân tộc học, Hà Nội.

2. Ban Chấp hành TW (2005), *Nghị quyết của Bộ chính trị về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật tại Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020*.

3. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia (2000), *Luật tục và phát triển nông thôn Việt Nam hiện nay*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học, Hà Nội.

4. Chu Thái Sơn, Cẩm Trọng (2005), *Người Thái*, Nxb Trẻ Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Ngô Đức Thịnh, Cẩm Trọng (2003), *Luật tục Thái ở Việt Nam*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.

6. Ngô Đức Thịnh (2003), *Tìm hiểu luật tục các tộc người ở Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

7. Cẩm Trọng (2005), *Những hiểu biết về người Thái ở Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

8. Từ điển Bách khoa (2006), *Từ điển Luật học*, Nxb Từ điển bách khoa, Nxb Tư pháp.